

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2024

Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đông

2. Bà Hoàng Thị An

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Kỳ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hứa Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXX - ST ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N.T.H.G, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Đìa, xã N. H, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 046196013xxx cấp ngày 07/12/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Vắng mặt.*

Bị đơn: Anh P.H.N, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn Đìa, xã N. H, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001095015xxx cấp ngày 07/05/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị N.T.H.G trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Chị N.T.H.G kết hôn với anh P.H.N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. H, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội vào ngày 06/02/2020. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không hòa đồng, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ cuối năm 2023 và anh chị chính thức sống ly thân mỗi người một nơi. Khi ly thân chị và con chung là cháu P.T.A về ở cùng bố mẹ đẻ tại: số 351, đường Nguyễn Trãi, phường Tân Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nam không còn. Chị thấy cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy, chị quyết tâm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nam càng sớm càng tốt, để cả hai cùng giải tỏa và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị và anh P.H.N có 01 con chung là P.T.A, sinh ngày 06/08/2021. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Nam phải nghĩa vụ cấp dưỡng 4.000.000đ mỗi tháng.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ: Chị Giang khẳng định chị và anh Nam không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, văn bản ghi lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh P.H.N trình bày:

1. Về tình cảm vợ chồng: Anh kết hôn với chị N.T.H.G là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. H, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội vào ngày 06/02/2020. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nhưng thực tế, anh nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Anh sống ly thân đúng như chị Giang trình bày. Sự việc này anh đã

xin lỗi, trình bày rõ với chị Giang. Anh rất mong chị Giang thay đổi quan điểm quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu Tòa án xét xử cho chị Giang ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

2. Về con chung: Anh và chị N.T.H.G có 01 con chung là P.T.A, sinh ngày 06/08/2021. Nếu Tòa án cho chị Giang ly hôn anh thì anh cũng có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị Giang cấp dưỡng. Nếu Tòa án xử cho chị Giang trực tiếp nuôi con chung thì anh cũng chấp nhận và anh cũng đồng ý mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 4.000.000đ theo yêu cầu của chị Giang, kể từ tháng ly hôn.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ: Anh Nam cũng khẳng định anh và chị Giang không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

[1] Nguyên đơn chị N.T.H.G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị. Trong đơn, chị tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nam. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn anh P.H.N trình bày: Đến nay anh chị vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng chưa cải thiện tốt lên, nhưng anh vẫn mong chị Giang suy nghĩ quay về đoàn tụ. Anh không muốn ly vì con chung còn quá nhỏ. Nếu Tòa án xử chấp nhận các yêu cầu của chị Giang thì anh cũng chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý Đơn ly hôn của chị N.T.H.G đối với anh P.H.N là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích cơ sở pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.G, xử cho chị Giang được ly hôn anh Nam; về con chung: Giao con chung cho chị Giang trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hiện tại và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án; buộc anh Nam phải cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đ/tháng; về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: anh chị cùng khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xét. Về án phí: buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N.T.H.G có Đơn ly hôn đối với anh P.H.N, nơi cư trú tại: số 6, hẻm 8, ngách 1, Đia 3, xã N. H, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng và bị đơn có mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N.T.H.G và anh P.H.N kết hôn tại UBND xã N. H, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 06/02/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng

quan điểm sống; vợ chồng không tin tưởng và thiếu sự quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2023 cho đến nay. Chị Giang từ khi gửi đơn ra tòa lúc nào cũng cương quyết yêu cầu ly hôn anh Nam. Chị Giang thấy không còn tình cảm với anh Nam; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Giang yêu cầu được ly hôn đối với anh Nam, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần xử chấp nhận cho chị Giang ly hôn anh Nam.

Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là P.T.A, sinh ngày 06/08/2021. Anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: con chung còn rất nhỏ, khi chị Giang nộp đơn ly hôn chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, từ khi anh chị ly thân con chung vẫn ở với chị Giang và được chăm sóc chu đáo, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Giang trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nhất, đảm bảo sự phát triển tốt cả về tinh thần và thể chất. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giang yêu cầu anh Nam cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng là phù hợp; anh Nam cũng đồng ý trong các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa. Nên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nhà đất chung và nợ chung: Chị Giang và anh Nam cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Giang phải nộp án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.G. Chị N.T.H.G được ly hôn anh P.H.N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung P.T.A, sinh ngày 06/08/2021 cho chị N.T.H.G trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh P.H.N mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng (*bốn triệu đồng mỗi tháng*), kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh P.H.N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị N.T.H.G và anh P.H.N cùng xác nhận không có, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị N.T.H.G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/00017476 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Chị N.T.H.G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N.T.H.G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh P.H.N được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội
(để ghi vào sổ hộ tịch số 12/2020 ngày 06/02/2020)
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều

Lê Quang Chiều

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h45' ngày 06/11/2019, tại Phòng Nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 750/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về "*tranh chấp ly hôn*", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị N.T.H.G, sinh năm 1979**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 48, ngõ 165 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 22, ngõ 44, phố An Hòa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn*: **Anh P.H.N, sinh năm 1974**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 48, ngõ 165 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, tôi thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với quan điểm của Bà Nguyễn Thị Lan

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiều nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[2] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Lan trình bày ý kiến như sau: Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án hôm nay là đúng.

- Bà Phạm Thị Trinh nhất trí với đề xuất của bà Nguyễn Thị Lan

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hai Hội thẩm nhân dân.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[3] Về Điều luật áp dụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Lê Quang Chiều nêu điều luật cần áp dụng để giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết: nhất trí 100% (3/3)

[4] Quyết định: Bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.G. Chị N.T.H.G được ly hôn anh P.H.N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Việt Hưng (nam), sinh ngày 27/4/2014 cho chị N.T.H.G trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Giang Minh Huy (nam), sinh ngày 19/4/2011 cho anh Nam trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi Bản

án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh P.H.N và chị N.T.H.G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị N.T.H.G và anh P.H.N cùng xác nhận không có, Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị N.T.H.G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0004518 ngày 06 tháng 08 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Chị N.T.H.G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N.T.H.G và anh P.H.N được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Hội đồng xét xử sau khi nghe bà Nguyễn Thị Lan trình bày phần quyết định, bà Phạm Thị Trinh và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ông Lê Quang Chiều đồng ý với bà Nguyễn Thị Lan và biểu quyết. Kết quả biểu quyết nhất trí 100% (3/3).

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều

